

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2021/QĐ-UBND

*Đắk Lắk, ngày 26 tháng 4 năm 2021*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ  
các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;*

*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 258/TTr-SNV ngày 18/3/2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. Tổ chức kiểm tra và báo cáo định kỳ hàng năm, báo cáo đột xuất về kết quả thực hiện Quyết định này cho Ủy ban nhân dân tỉnh biết, theo dõi và chỉ đạo.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06/5/2021.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành

phổ; Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Nghị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ  
các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND  
Ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về đối tượng, nguyên tắc, mục đích, nội dung, tiêu chí, mức độ hoàn thành, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị).

#### **Điều 3. Mục đích đánh giá, xếp loại**

1. Nhằm đánh giá hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị theo chương trình, kế hoạch công tác được giao hàng năm.
2. Thông qua đánh giá chất lượng hoạt động, giúp các cơ quan, đơn vị phát huy những mặt ưu điểm, tích cực, khắc phục những mặt còn hạn chế, yếu kém; nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính trị được giao.
3. Kết quả đánh giá, xếp loại thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị làm cơ sở để xem xét khi đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng, đảng viên; để bình xét các danh hiệu thi đua, đề nghị khen thưởng và đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với người đứng đầu từng cơ quan, đơn vị.

#### **Điều 4. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại**

1. Bảo đảm công khai, khách quan, công bằng, chính xác; không hình thức; bảo đảm đúng thẩm quyền quản lý cơ quan, đơn vị theo phân cấp.

2. Việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể các cơ quan, đơn vị được thực hiện vào tổng kết năm công tác.

3. Việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành của tập thể phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao; kết quả xây dựng cơ quan, đơn vị và thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch được giao, thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể; đồng thời xem xét đến yếu tố năng động, sáng tạo, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và trên cơ sở tiêu chí, mức điểm tại các phụ lục kèm theo Quy chế này.

4. Hàng năm các cơ quan, đơn vị căn cứ các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ tại Quy chế này và đối chiếu với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị để tự đánh giá, chấm điểm trên từng tiêu chí quy định; Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ hồ sơ, thủ tục và kết quả thực hiện nhiệm vụ để quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI MỨC HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ**

#### **Điều 5. Nội dung, tiêu chí đánh giá, xếp loại**

1. Nội dung tiêu chí 1: Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao

a) Tham mưu cơ quan cấp trên ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ.

b) Tổ chức thực hiện các chủ trương, chương trình, kế hoạch, đề án, quy chế, cơ chế chính sách, nhiệm vụ do các cơ quan cấp trên giao và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị hàng năm.

c) Việc theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị cấp dưới và phối hợp với các cơ quan liên quan để thực hiện nhiệm vụ.

d) Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch của cơ quan, đơn vị.

đ) Chấp hành thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

2. Nội dung tiêu chí 2: Xây dựng cơ quan, đơn vị

a) Tuyên truyền, phổ biến, học tập Nghị quyết của Đảng và pháp luật.

b) Xây dựng và thực hiện quy chế làm việc tại cơ quan, đơn vị; quy chế dân chủ trong cơ quan; quy chế văn hóa công sở.

c) Kết quả xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa.

d) Công tác quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của cơ quan, đơn vị.

đ) Công tác quản lý, sử dụng công chức, viên chức; thực hiện chế độ, chính sách cho người lao động và bình đẳng giới.

e) Tổ chức thực hiện các phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng.

g) Thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng.

h) Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

3. Nội dung tiêu chí 3: Công tác cải cách hành chính

a) Chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

b) Cải cách thể chế.

c) Cải cách thủ tục hành chính.

d) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.

đ) Cải cách chế độ công vụ.

e) Cải cách tài chính công.

g) Xây dựng và phát triển chính phủ điện tử, chính quyền điện tử.

#### **Điều 6. Chấm điểm các nội dung, tiêu chí**

1. Điểm chấm tối đa cho các nội dung tiêu chí là 90 điểm theo các phụ lục kèm theo quy định này:

a) Tiêu chí đánh giá, chấm điểm các sở, ban, ngành: Phụ lục số 1.

b) Tiêu chí đánh giá, chấm điểm Ủy ban nhân dân cấp huyện: Phụ lục số 2.

c) Tiêu chí đánh giá, chấm điểm các đơn vị sự nghiệp: Phụ lục số 3.

2. Chấm điểm

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch được giao và nội dung đăng ký thực hiện nhiệm vụ hàng năm và kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm. Các cơ quan, đơn vị thực hiện việc chấm điểm theo các mức tương ứng: Xuất sắc, tốt, hoàn thành và không hoàn thành.

a) Đối với nội dung tiêu chí có triển khai, đạt hiệu quả, chất lượng cao, đúng tiến độ và có giải pháp, sáng kiến mới trong thực hiện thì chấm điểm mức xuất sắc.

b) Đối với nội dung tiêu chí có triển khai, đạt hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ thì chấm điểm mức tốt.

c) Đối với nội dung tiêu chí có triển khai và hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ thì chấm điểm mức hoàn thành.

d) Đối với nội dung tiêu chí có thực hiện nhưng không hiệu quả, không đảm bảo tiến độ, chất lượng, số lượng các tiêu chí, các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý, phục vụ của cơ quan, đơn vị hoặc được cấp có thẩm quyền giao thì chấm điểm mức không hoàn thành. Trường hợp cơ quan, đơn vị có nội dung tiêu chí nhưng không thực hiện thì không chấm điểm ở nội dung tiêu chí không thực hiện tương ứng.

đ) Đối với các cơ quan, đơn vị không được giao hoặc không có nhiệm vụ như nội dung tiêu chí đã quy định thì được chấm ở mức hoàn thành.

e) Tổng điểm chấm = Điểm chấm các nội dung tiêu chí + điểm cộng - điểm trừ.

### 3. Điểm cộng

a) Các cơ quan, đơn vị có sáng kiến, giải pháp công tác được áp dụng, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của cơ quan, đơn vị (mỗi sáng kiến, giải pháp được cộng thêm 01 điểm).

b) Có thành tích đột xuất, xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ hoặc điển hình tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ của năm đánh giá đã được Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Bộ, ngành Trung ương ghi nhận (mỗi hình thức khen thưởng, điển hình tiên tiến tiêu biểu của tỉnh được cộng thêm 01 điểm).

c) Nội dung tiêu chí 1, nếu có tiêu chí hoàn thành vượt chỉ tiêu, kế hoạch được giao hoặc cơ quan, đơn vị đề ra vượt từ 10% trở lên (mỗi tiêu chí vượt được cộng 01 điểm).

### 4. Điểm trừ

a) Đề cán bộ, công chức, viên chức xảy ra vi phạm vi xử lý kỷ luật trong cơ quan, đơn vị (mỗi cán bộ, công chức, viên chức vi phạm bị xử lý kỷ luật đảng hoặc kỷ luật hành chính thì trừ 01 điểm).

b) Trong năm, cơ quan, đơn vị bị Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Bộ ngành Trung ương có văn bản kiểm điểm, phê bình về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao (mỗi văn bản phê bình trừ 01 điểm).

## **Điều 7. Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ**

### 1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Cơ quan, đơn vị đạt được tất cả các tiêu chí sau đây thì xếp loại mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:

a) Có tổng điểm chấm đạt từ 90 điểm trở lên và trong năm đánh giá không có người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan, đơn vị bị xử lý kỷ luật.

b) Là cơ quan, đơn vị có nhiều thành tích nổi bật, có đổi mới, sáng tạo; khẳng định vị thế, vai trò hàng đầu, điển hình để các cơ quan, đơn vị khác học tập, noi theo.

c) Các nội dung của tiêu chí 1 thuộc khoản 1 Điều 5 đều hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch và có nội dung tiêu chí vượt chỉ tiêu, kế hoạch từ 10% trở lên.

## 2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Cơ quan, đơn vị đạt được tất cả các tiêu chí sau đây thì xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ:

a) Có tổng điểm chấm đạt từ 75 đến dưới 90 điểm.

b) Các nội dung, tiêu chí về kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao thuộc khoản 1 Điều 5 hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch được giao.

## 3. Hoàn thành nhiệm vụ

Cơ quan, đơn vị đạt được tất cả các tiêu chí sau đây thì xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ:

a) Có tổng điểm chấm đạt từ 60 đến dưới 75 điểm.

b) Các nội dung của tiêu chí 1 thuộc khoản 1 Điều 5 đều hoàn thành, trong đó có không quá 20% tiêu chí chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ hoặc hiệu quả thấp.

## 4. Không hoàn thành nhiệm vụ

Cơ quan, đơn vị có một trong các tiêu chí sau đây thì xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ:

a) Có tổng điểm chấm đạt dưới 60 điểm.

b) Các nội dung của tiêu chí 1 thuộc khoản 1 Điều 5 chỉ hoàn thành dưới 50% số chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao (trừ trường hợp bất khả kháng).

c) Cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc có hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, đơn vị đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận.

## **Điều 8. Thẩm quyền đánh giá, xếp loại**

Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, xếp loại đối với các cơ quan, đơn vị:

1. Sở, ban, ngành.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

### **Điều 9. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị đánh giá, xếp loại**

Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị được thực hiện theo các bước sau đây:

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo cơ quan làm công tác tổ chức, cán bộ căn cứ vào nội dung, tiêu chí theo Điều 5, Phụ lục đính kèm và kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch của cơ quan, đơn vị để làm báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và tự chấm điểm các nội dung, tiêu chí theo phụ lục kèm theo quy định này.

2. Nhận xét, đánh giá và bỏ phiếu đề nghị xếp loại

Bước 1: Người đứng đầu hoặc người được ủy quyền trình bày dự thảo báo cáo tự đánh giá của tập thể và tự chấm điểm; từng thành viên trong tập thể tham gia góp ý và làm rõ những ưu, khuyết điểm của tập thể. Người đứng đầu tổng hợp, kết luận từng nội dung, tiếp thu để hoàn thiện báo cáo và bản tự chấm điểm.

Trên cơ sở báo cáo đánh giá, tự chấm điểm và thảo luận, các thành viên tham gia cuộc họp bỏ phiếu đề nghị xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Thành phần: Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc.

Bước 2: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị lấy ý kiến nhận xét, đánh giá bằng văn bản của cấp ủy đảng cùng cấp và các tổ chức đoàn thể, các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có).

Bước 3: Hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục đề nghị xếp loại.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo khoản 3 Điều này, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) trước ngày 15/12 hàng năm.

3. Hồ sơ đề nghị đánh giá, xếp loại

a) Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị xếp loại đối với tập thể.
- Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch.
- Bản tự chấm điểm theo phụ lục đính kèm Quy định này.
- Biên bản họp đánh giá, đề nghị xếp loại tập thể (bước 1).
- Bản nhận xét, đánh giá của cấp ủy đảng cùng cấp.
- Ý kiến nhận xét, đánh giá của các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có).



- Văn bản tham gia, góp ý của các tập thể, cá nhân có liên quan (nếu có).
- Văn bản khác (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản giấy và Idesk).

### **Điều 10. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, xếp loại**

Bước 1. Trên cơ sở hồ sơ của các cơ quan, đơn vị gửi Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị đánh giá xếp loại. Sở Nội vụ tổng hợp chung theo từng nhóm cơ quan đơn vị.

- Nhóm 1: Tập thể các sở, ban, ngành.
- Nhóm 2: Tập thể Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Nhóm 3: Tập thể các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bước 2. Lấy ý kiến xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

- Đối với nhóm 1 và nhóm 3: Lấy ý kiến của Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra tỉnh.

- Đối với nhóm 2: Lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

Bước 3. Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị; kết quả lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị. Sở Nội vụ tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, xếp loại đối với các cơ quan, đơn vị.

Bước 4. Tập thể Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh họp, nhận xét, đánh giá và bỏ phiếu xếp loại mức độ hoàn thành của các cơ quan, đơn vị.

Bước 5. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xếp loại mức độ hoàn thành của các cơ quan, đơn vị và thông báo cho các cơ quan, đơn vị được biết trước ngày 15/01 năm sau.

### **Điều 11. Thời điểm đánh giá, xếp loại**

1. Thời điểm tự đánh giá và đề nghị xếp loại được tiến hành trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

2. Các đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo tự đánh giá và đề nghị xếp loại trước khi kết thúc năm học.

### **Điều 12. Lưu trữ hồ sơ đánh giá, xếp loại**

Cơ quan, đơn vị thực hiện việc lưu trữ hồ sơ đánh giá, xếp loại, bao gồm:

- Các thành phần hồ sơ theo khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

- Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Các cơ quan, đơn vị**

1. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị để cụ thể hóa nội dung, tiêu chí và thang điểm của nội dung tiêu chí về “Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch của cơ quan, đơn vị” tại điểm d khoản 1 Điều 5 Quy chế này cho phù hợp với từng cơ quan, đơn vị.

2. Căn cứ vị trí việc làm; chức năng, nhiệm vụ được giao và kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị có thể nghiên cứu, vận dụng để xây dựng quy chế cụ thể về tiêu chí, thang điểm để đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc cho phù hợp với tình hình thực tế và chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, xếp loại đối với tập thể thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng thời gian quy định.

#### **Điều 14. Sở Nội vụ**

1. Đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện việc đánh giá, xếp kết quả thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy chế.

2. Tổng hợp, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan và trình Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, xếp loại đối với các tập thể thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **Điều 15. Triển khai thực hiện**

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu cơ quan, đơn vị có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để được hướng dẫn. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Nghị**

**Phụ lục 1**  
**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH**  
*(Kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 26/4/2021*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Nội dung, tiêu chí	Điểm chuẩn				Điểm chấm	
		Xuất sắc	Tốt	Hoàn thành	Không hoàn thành		
<b>I</b>	<b>Nội dung tiêu chí 1: Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao</b>	<b>55</b>	<b>49</b>	<b>42</b>	<b>27</b>		
1	Tham mưu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ.	10	9	8	5		
2	Tổ chức thực hiện các chủ trương, chương trình, kế hoạch, đề án, quy chế, cơ chế chính sách, nhiệm vụ do các cơ quan cấp trên giao và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị hàng năm.	10	9	8	5		
3	Việc theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị cấp dưới và phối hợp với các cơ quan có liên quan để thực hiện nhiệm vụ.	5	4	3	1		
4	Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch của cơ quan, đơn vị.	25	23	20	15		
5	Chấp hành thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.	5	4	3	1		
<b>II</b>	<b>Nội dung tiêu chí 2: Xây dựng cơ quan, đơn vị</b>	<b>20</b>	<b>16</b>	<b>12</b>	<b>8</b>		
1	Tuyên truyền, phổ biến, học tập Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước.	2	1,5	1	0,5		
2	Xây dựng và thực hiện quy chế làm việc tại cơ quan, đơn vị; quy chế dân chủ trong cơ quan; quy chế văn hóa công sở.	3	2,5	2	1,5		
3	Kết quả xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa.	2	1,5	1	0,5		
4	Công tác quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của cơ quan, đơn vị.	2	1,5	1	0,5		
5	Công tác quản lý, sử dụng công chức, viên chức và thực hiện chế độ, chính sách cho người lao động.	3	2,5	2	1,5		

6	Tổ chức thực hiện các phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng.	3	2,5	2	1,5		
7	Thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng.	3	2,5	2	1,5		
8	Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.	2	1,5	1	0,5		
<b>III</b>	<b>Nội dung tiêu chí 3: Công tác cải cách hành chính</b>	<b>15</b>	<b>11,5</b>	<b>8</b>	<b>4,5</b>		
1	Chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.	3	2,5	2	1,5		
2	Cải cách thể chế.	2	1,5	1	0,5		
3	Cải cách thủ tục hành chính.	2	1,5	1	0,5		
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.	2	1,5	1	0,5		
5	Cải cách chế độ công vụ	2	1,5	1	0,5		
6	Cải cách tài chính công.	2	1,5	1	0,5		
7	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử.	2	1,5	1	0,5		
<b>Tổng cộng</b>		<b>90</b>	<b>76,5</b>	<b>62</b>	<b>39,5</b>		

**Tổng số điểm chấm của cơ quan, đơn vị : ..... điểm.**

**Trong đó:**

- Điểm chấm cho các nội dung, tiêu chí :.....điểm

- Điểm cộng :.....điểm

- Điểm trừ :.....điểm

**Phụ lục 2****TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI  
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN***(Kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 26/4/2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Nội dung, tiêu chí	Điểm chuẩn				Điểm chấm
		Xuất sắc	Tốt	Hoàn thành	Không hoàn thành	
<b>I</b>	<b>Nội dung tiêu chí 1: Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao</b>	<b>55</b>	48	41	23	
1	Tham mưu Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Hội đồng nhân dân cấp huyện ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ.	5	4	3	1	
2	Tổ chức thực hiện các chủ trương, chương trình, kế hoạch, đề án, quy chế, cơ chế chính sách, nhiệm vụ do các cơ quan cấp trên giao và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị hàng năm.	10	9	8	5	
3	Việc theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.	5	4	3	1	
4	Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh.	30	27	24	15	
a	<i>Thực hiện tốt và hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển kinh tế của huyện.</i>	10	9	8	5	
b	<i>Thực hiện tốt và hoàn thành các chỉ tiêu về văn hóa xã hội của huyện.</i>	10	9	8	5	
c	<i>Thực hiện tốt và hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng an ninh của huyện.</i>	10	9	8	5	
5	Chấp hành thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.	5	4	3	1	
<b>II</b>	<b>Nội dung tiêu chí 2: Xây dựng cơ quan, đơn vị</b>	<b>20</b>	<b>16</b>	<b>12</b>	<b>8</b>	
1	Tuyên truyền, phổ biến, học tập Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước.	2	1,5	1	0,5	
2	Xây dựng và thực hiện quy chế làm việc tại cơ	3	2,5	2	1,5	

	quan, đơn vị; quy chế dân chủ trong cơ quan; quy chế văn hóa công sở.					
3	Kết quả xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa.	2	1,5	1	0,5	
4	Công tác quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của cơ quan, đơn vị.	2	1,5	1	0,5	
5	Công tác quản lý, sử dụng công chức, viên chức và thực hiện chế độ, chính sách cho người lao động.	3	2,5	2	1,5	
6	Tổ chức thực hiện các phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng.	3	2,5	2	1,5	
7	Thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng.	3	2,5	2	1,5	
8	Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.	2	1,5	1	0,5	
<b>III</b>	<b>Nội dung tiêu chí 3: Công tác cải cách hành chính</b>	<b>15</b>	<b>11,5</b>	<b>8</b>	<b>4,5</b>	
1	Chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.	3	2,5	2	1,5	
2	Cải cách thể chế.	2	1,5	1	0,5	
3	Cải cách thủ tục hành chính.	2	1,5	1	0,5	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.	2	1,5	1	0,5	
5	Cải cách chế độ công vụ	2	1,5	1	0,5	
6	Cải cách tài chính công.	2	1,5	1	0,5	
7	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử.	2	1,5	1	0,5	
<b>Tổng cộng</b>		<b>90</b>	<b>75,5</b>	<b>61</b>	<b>35,5</b>	

**Tổng số điểm chấm của cơ quan, đơn vị : ..... điểm.**

**Trong đó:**

- Điểm chấm cho các nội dung, tiêu chí :.....điểm
- Điểm cộng :.....điểm
- Điểm trừ :.....điểm

**Phụ lục 3**  
**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI**  
**CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
*(Kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 26/4/2021*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Nội dung, tiêu chí	Điểm chuẩn				Điểm chấm
		Xuất sắc	Tốt	Hoàn thành	Không hoàn thành	
<b>I</b>	<b>Nội dung tiêu chí 1: Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao</b>	<b>55</b>	49	42	27	
1	Triển khai thực hiện các quy định của pháp luật, các quy định của Bộ, ngành Trung ương và của Ủy ban nhân dân tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực	10	9	8	5	
2	Tổ chức thực hiện các chủ trương, chương trình, kế hoạch, đề án, quy chế, cơ chế chính sách, nhiệm vụ do các cơ quan cấp trên giao và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị hàng năm.	10	9	8	5	
3	Thực hiện phối hợp với các cơ quan có liên quan trong hoạt động phục vụ quản lý nhà nước	5	4	3	1	
4	Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch của cơ quan, đơn vị.	25	23	20	15	
5	Chấp hành thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.	5	4	3	1	
<b>II</b>	<b>Nội dung tiêu chí 2: Xây dựng cơ quan, đơn vị</b>	<b>35</b>	28,5	22	13,5	
1	Tuyên truyền, phổ biến, học tập Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước.	3	2,5	2	1,5	
2	Xây dựng và thực hiện quy chế làm việc tại cơ quan, đơn vị; quy chế dân chủ trong cơ quan; quy chế văn hóa công sở.	3	2,5	2	1,5	
3	Kết quả xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa.	3	2,5	2	1,5	
4	Công tác quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của cơ quan, đơn vị.	3	2,5	2	1,5	
5	Công tác quản lý, sử dụng viên chức và thực	3	2,5	2	1,5	

	hiện chế độ, chính sách cho người lao động.					
6	Tổ chức thực hiện các phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng.	3	2,5	2	1,5	
7	Thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng.	3	2,5	2	1,5	
8	Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trong cơ quan, đơn vị.	2	1,5	1	0,5	
9	Chấp hành chế độ, chính sách pháp luật về thuế, phí và các khoản thu nộp ngân sách, bảo hiểm, chế độ tài chính, kế toán .	5	4	3	1	
10	Tổ chức thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ; các dự án đầu tư sản xuất, cung ứng dịch vụ công.	2	1,5	1	0,5	
11	Công tác hiện đại hóa hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO.	5	4	3	1	
		<b>90</b>	77,5	64	40,5	

**Tổng số điểm chấm của cơ quan, đơn vị : ..... điểm.**

**Trong đó:**

- Điểm chấm cho các nội dung, tiêu chí :.....điểm

- Điểm cộng :.....điểm

- Điểm trừ :.....điểm